

Số: 4228491

	TOWNER T2.8-3.3 - Thùng Mui Bạt - Tôn Kẽm	TF2800 - Thùng mui bạt - Inox 430
Giá niêm yết:	267.500.000đ	350.800.000đ
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxC)	5.325 x 1.840 x 2.540	5.420 x 1.860 x 2.620 mm
Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC)	3.250 x 1.650 x 410/1.660 (8,9 m ³)	3.500 x 1.670 x 1.410/1.720 mm (10,1 m ³)
Chiều dài cơ sở	3.080	2.880 mm
Vết bánh xe trước/sau	1.450/1.455	1.440/1.325 mm
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	1.355	2.130 kg
Khối lượng chở cho phép	1.280	1.990 kg
Khối lượng toàn bộ	2.765	4.250 kg
Số chỗ ngồi	2	2 chỗ
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	DAM16KR	D19TCIE3
Loại động cơ	Xăng, 04 kỳ, 04 xilanh thẳng hàng	Diesel, 4 kỳ, 4 xilanh thẳng hàng, tăng áp, làm mát khí nạp, làm mát bằng dung dịch, phun nhiên liệu trực tiếp điều khiển điện tử (ECU)
Dung tích xi lanh	1.597	1.910 cc
Công suất cực đại/ tốc độ quay	122/6.000	116 / 3.600 Ps/(vòng/phút)
Mô men xoắn/ tốc độ quay	158/4.400 - 5.200	285 / 1.600-2.600 N.m/(vòng/phút)
TRUYỀN ĐỘNG:		
Ly hợp	01 đĩa, ma sát khô, dẫn động cơ khí	Đĩa ma sát đơn, điều khiển thủy lực, trợ lực chân không
Hộp số	DAT18R - Số sàn , 5 số tiến, 1 số lùi	5 số tiến, 1 số lùi
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Đĩa/tang trống, dẫn động thủy lực, trợ lực chân không, có ABS + EBD	Trước: Đĩa/ Sau:Tang trống, Dẫn động thủy lực trợ lực chân không, Có ABS
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Độc lập, lò xo trụ, giảm chấn thủy lực	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực
Sau	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực
LỐP XE:		
Trước/Sau	175/70R14	185R15 (lốp không săm)
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	34,9	44,8 %
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	6,3	6,15 m
Tốc độ tối đa	121	115 km/h
Dung tích thùng nhiên liệu	43	55 lít
HỆ THỐNG LÁI:		
Hệ thống lái	Thanh răng - bánh răng, trợ lực điện	Trợ lực thủy lực